

Số: 2848 /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai
Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường
sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Đề án Phát triển giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: KH&CN, KH&ĐT, Tài chính, Công thương, TN&MT, LĐT&XH, Quốc phòng, An ninh, Ngoại giao;
- Ngân hàng nhà nước
- Các đơn vị thuộc Bộ (để t/h);
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương.
- Các Hội, Hiệp hội chăn nuôi
- Lưu: VT, CN.

KT. BỘ TRƯỞNG

PHỤ TRƯỞNG



Phùng Đức Tiến

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CN ngày tháng năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Đề án). Để thực hiện Đề án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

- Đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.
- Xác định rõ các nhiệm vụ, nội dung công việc, thời hạn, sản phẩm dự kiến đạt được, gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện.
- Đảm bảo chủ động trong triển khai thực hiện; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo lộ trình để đạt được mục tiêu đề ra.
- Kịp thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án vào các chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động có liên quan tại các đơn vị thuộc Bộ, địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nội dung thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giao Cục Chăn nuôi là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ, các Bộ ngành có liên quan và địa phương. Tổ chức theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; báo cáo và tham mưu Lãnh đạo Bộ xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này, xây dựng kế hoạch cụ thể; chủ động rà soát nhiệm vụ và kinh phí

triển khai trình đơn vị có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

3. Giao Vụ Kế hoạch, Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính căn cứ vào đề xuất của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan tại địa phương; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

5. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Chăn nuôi) về tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả triển khai, nhiệm vụ hoàn thành, nhiệm vụ chưa hoàn thành, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục
NỘI DUNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP GIẾT MỔ, CHẾ BIẾN VÀ THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|----------|---|--|-----------------|---|--|-------------------------------|-----------|
| I | Nhiệm vụ triển khai Đề án | | | | | | |
| 1 | Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai Đề án. | <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức của các tổ chức cá nhân về Đề án và Kế hoạch triển khai Đề án - Giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết kết quả triển khai các nhiệm vụ thuộc đề án | Cục Chăn nuôi | <ul style="list-style-type: none"> - Các Cục, Vụ, Viện và đơn vị liên quan trực thuộc Bộ NN&PTNT - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Các tổ chức liên quan. | <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tuyên truyền - Báo cáo tình hình triển khai, kết quả triển khai các dự án thuộc đề án. | 5 | 2025-2030 |
| 2 | Rà soát phân loại tổng thể các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và nhỏ lẻ, tăng cường các hoạt động quản lý và cấp phép nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh và an toàn chất lượng theo quy định. | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, phân loại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm - Xây dựng kế hoạch và giải pháp điều chỉnh, tiến tới xóa bỏ các cơ sở giết mổ không phép; | Cục Thú y | <ul style="list-style-type: none"> Cục Chăn nuôi, Cục Chất lượng, CB&PTTT; - Bộ Công Thương (Tổng cục Quản lý thị trường), Tổng cục Thống kê. - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | <ul style="list-style-type: none"> Cơ sở dữ liệu nhật hàng năm các cơ sở giết mổ đủ điều kiện hoạt động. | 10 | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|-----|--|--|-----------------|--|--|-------------------------------|-----------|
| 3 | Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý, thống kê các cơ sở chế biến, giết mổ tập trung các sản phẩm chăn nuôi | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu các cơ sở chế biến, giết mổ tập trung các sản phẩm chăn nuôi - Xây dựng phần mềm và cập nhật thường xuyên | Cục Thú y | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chăn nuôi, Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT; Trung tâm CDS và thống kê NN. - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu - Hệ thống CSDL | 10 | 2025-2030 |
| 4 | Kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm... đáp ứng quy định của Việt Nam cũng như đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá việc tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm - Đề xuất giải pháp giảm dần tỷ lệ vi phạm vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm theo từng năm. | Cục Thú y | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chăn nuôi, Cục Chất lượng, chế biến và PTTT, - Vụ HTQT, Văn phòng SPS Việt Nam | Các hoạt động, báo cáo giám sát các cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm | 10 | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|-----|--|--|----------------------------------|---|---|-------------------------------|-----------|
| 5 | Xây dựng mô hình phát triển và liên kết chuỗi các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, đặc thù tại các địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực - Đề xuất giải pháp nhân rộng các mô hình liên kết chuỗi | Trung tâm Khuyến nông Quốc gia | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chăn nuôi Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT, Cục Thú y; - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn; - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | <ul style="list-style-type: none"> - Một số mô hình tiêu biểu cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương - Bản kiến nghị chính sách giải pháp thúc đẩy liên kết chuỗi cho chăn nuôi | 30 | 2025-2030 |
| 6 | Hoạt động xúc tiến thương mại và tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu quảng bá sản phẩm chăn nuôi với người tiêu dùng trong nước và quốc tế - Thúc đẩy nâng cao trách nhiệm ưu tiên dùng hàng VN | Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chăn nuôi; - Cục Thú Y. - Trung tâm XTTM nông nghiệp - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tổ chức được một số hoạt động XTTM, phát triển thị trường cho các sản phẩm chăn nuôi (như: tham dự Hội trợ, Triển lãm, Diễn đàn, Hội thảo kết nối người tiêu dùng trong nước và quốc tế,...) | 10 | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|-----|---|--|---|--|---|-------------------------------|-----------|
| 7 | Đàm phán, tháo gỡ rào cản và thúc đẩy mở cửa thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi | <ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi - Tháo gỡ rào cản và tăng cường xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi | Cục Thú y | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chất lượng, chế biến và PTTT, Cục Chăn nuôi, - Vụ HTQT, Văn phòng SPS Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán, tháo gỡ và thúc đẩy xuất khẩu thêm một số sản phẩm chăn nuôi - Mở cửa được một số thị trường xuất khẩu mới cho sản phẩm chăn nuôi | 10 | 2025-2030 |
| 8 | Phân tích, dự báo nhu cầu, xu hướng tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, có thương hiệu làm căn cứ để định hướng phát triển | Phân tích, dự báo và xây dựng được kịch bản về nhu cầu, xu hướng tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi | Viện Chiến lược và Chính sách nông nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT, Vụ HTQT, Văn phòng SPS Việt Nam; - Bộ Công Thương (hệ thống Thương vụ tại các nước, các Vụ thị trường nước ngoài), Tổng cục Thống kê. - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ chỉ số phân tích dự báo nhu cầu tiêu dùng - Thông tin dự báo nhu cầu, xu hướng tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi chủ lực và các quy định thị trường nhập khẩu | 10 | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|--|---|--|----------------------------------|---|--|-------------------------------|--------------|
| II Các Chương trình/dự án ưu tiên | | | | | | | |
| 1 | Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, giết mổ tập trung các sản phẩm chăn nuôi | Đánh giá được hiện trạng về điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, giết mổ | Cục Thú y | - Cục Chăn nuôi, Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Báo cáo tổng kết Dự án Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, giết mổ tập trung các sản phẩm chăn nuôi | 3 3 | 2026 2030 |
| 2 | Điều tra, khảo sát, đánh giá công nghệ chế biến các sản phẩm chăn nuôi | Đánh giá được thực trạng trình độ và năng lực công nghệ chế biến các sản phẩm chăn nuôi | Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT | - Cục Chăn nuôi, Cục Thú Y - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Báo cáo tổng kết dự án Điều tra Điều tra, khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ chế biến các sản phẩm chăn nuôi và đề xuất giải pháp nâng cao trình độ và năng lực chế biến sản phẩm chăn nuôi | 3 3 | 2026 2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|-----|--|--|---|---|---|-------------------------------|-----------|
| 3 | Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu | Hình thành hệ thống phần cứng và phần mềm đảm bảo truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chăn nuôi phục vụ thị trường xuất khẩu. Từ đó rút kinh nghiệm nhằm nhân rộng phục vụ nhu cầu khác đối với truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chăn nuôi. | Trung tâm Chuyên đổi số và Thống kê nông nghiệp | - Cục Chăn nuôi, Cục Thú Y, Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử sản phẩm chăn nuôi | 200 | 2025-2030 |
| 4 | Rà soát, xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn | Rà soát và xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực giết mổ, chế biến các sản phẩm chăn nuôi | Cục Thú y | - Cục Chăn nuôi, Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT - Vụ KHCN&MT - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Một số TCVN, QCVN được rà soát và xây dựng mới | 10 | 2025-2030 |

| STT | Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án | Mục tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng) | Thời gian |
|-----|---|---|--|---|--|-------------------------------|-----------|
| 5 | Nghiên cứu, rà soát và xây dựng bổ sung các chính sách đặc thù của lĩnh vực giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. | <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát được các chính sách trong lĩnh vực giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm - Đề xuất xây dựng bổ sung và hoàn thiện hệ thống các chính sách phát triển chuỗi giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi | Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chăn nuôi, Cục Thú Y, Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT - Vụ Pháp chế - Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo nghiên cứu rà soát chính sách - Đề xuất chính sách bổ sung hoàn thiện | 10 | 2025-2030 |
| 6 | Ứng dụng đề tài nghiên cứu cấp quốc gia hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm chế biến mới và sản phẩm giá trị gia tăng cao | Triển khai ứng dụng đề tài nghiên cứu cấp quốc gia hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm chế biến mới và sản phẩm giá trị gia tăng cao | Vụ KHCN&MT | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Chất lượng, Chế biến và PTTT - Cục Chăn nuôi, Cục Thú Y, - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia - Các Cục, Vụ liên quan của Bộ KH&CN | Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của một số chương trình KHCN Quốc gia: KC07, công nghệ sinh học, công nghệ cao,... | 20 | 2025-2030 |